

**QUYẾT ĐỊNH**  
**V/v công bố hệ thống quản lý chất lượng**  
**phù hợp tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015**

**GIÁM ĐỐC SỞ TƯ PHÁP TỈNH KHÁNH HOÀ**

*Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;*

*Căn cứ Quyết định số 2176/QĐ-UBND ngày 10/8/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hoà về việc kiện toàn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp; Quyết định số 3142/QĐ-UBND ngày 20/10/2017 sửa đổi, bãi bỏ một số nội dung tại Quyết định số 2176/QĐ-UBND ngày 10/8/2015 của UBND tỉnh Khánh Hoà về việc kiện toàn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp;*

*Theo đề nghị của Ban chỉ đạo ISO Sở Tư pháp.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố Hệ thống quản lý chất lượng tại Sở Tư pháp Khánh Hoà phù hợp tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 đối với các lĩnh vực hoạt động thuộc phạm vi quản lý của Sở Tư pháp, theo Phụ lục kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 79/QĐ-STP ngày 01/7/2019 của Giám đốc Sở Tư pháp Khánh Hoà về việc công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Sở, Thủ trưởng các phòng, Trung tâm thuộc Sở, Thành viên Ban chỉ đạo ISO, Thư ký ISO chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Sở Khoa học – Công nghệ (vbdt);
- Website Sở, mục ISO;
- Lưu: VT, VP (Vinh).

**GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Thị Lan Phương**

**Phụ lục**  
**CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CỦA SỞ TƯ PHÁP ĐƯỢC CÔNG BỐ PHÙ HỢP**  
**TIÊU CHUẨN QUỐC GIA TCVN ISO 9001:2015**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 221/QĐ-STP ngày 11/12/2020*  
*của Giám đốc Sở Tư pháp Khánh Hòa)*

**Toàn bộ các quy trình giải quyết tất cả các thủ tục hành chính thuộc trách nhiệm tiếp nhận và thực hiện tại cơ quan hành chính nhà nước**

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố
<b>I</b>		<b>Lĩnh vực lý lịch tư pháp</b>	
1	2.000488.00 0.00.00.H32	Cấp phiếu lý lịch tư pháp cho công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam	2244/QĐ-BTP ngày 24/8/2018
2	2.001417.000 .00.00.H32	Cấp phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam)	2840/QĐ-UBND ngày 25/9/2018
3	2.000505.000 .00.00.H32	Cấp phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan tiến hành tố tụng (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam)	
<b>II</b>		<b>Lĩnh vực Giám định tư pháp</b>	
4	-	Thủ tục chuyển đổi loại hình Văn phòng Giám định Tư pháp	
5	-	Thay đổi, bổ sung lĩnh vực giám định của Văn phòng Giám định Tư pháp	
6	-	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động Văn phòng giám định tư pháp trong trường hợp thay đổi tên gọi, địa chỉ trụ sở, người đại diện theo pháp luật của Văn phòng	
7	-	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động Văn phòng giám định tư pháp trong trường hợp Giấy đăng ký hoạt động bị hư hỏng hoặc bị mất	1501/QĐ-UBND ngày 29/5/2017
8	-	Cấp phép thành lập Văn phòng giám định tư pháp	
9	-	Chấm dứt hoạt động Văn phòng giám định tư pháp (Trường hợp Văn phòng giám định tư pháp tự chấm dứt hoạt động)	
10	-	Đăng ký hoạt động Văn phòng Giám định tư pháp	
11	-	Thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp	
<b>III</b>		<b>Lĩnh vực quản lý luật sư</b>	
12		Đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư ( <i>Số hồ sơ TTHC 1.002010</i> )	Quyết định số 2210/QĐ-UBND ngày 25/08/2020
13		Thay đổi người đại diện theo pháp luật của Văn	

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố
		phòng luật sư, công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên (Số hồ sơ TTHC 1.002055)	
14		Thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty luật hợp danh (Số hồ sơ TTHC 1.002079)	
15		Đăng ký hoạt động của chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư (Số hồ sơ TTHC 1.002099)	
16		Đăng ký hành nghề luật sư với tư cách cá nhân (Số hồ sơ TTHC 1.002153)	
17		Đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài (Số hồ sơ TTHC 1.002181)	
18		Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài (Số hồ sơ TTHC 1.002198)	
19		Hợp nhất công ty luật (Số hồ sơ TTHC 1.002218)	
20		Sáp nhập công ty luật (Số hồ sơ TTHC 1.002234)	
21		Chuyển đổi công ty luật trách nhiệm hữu hạn và công ty luật hợp danh, chuyển đổi văn phòng luật sư thành công ty luật (Số hồ sơ TTHC 1.008709)	
22		Đăng ký hoạt động của công ty luật Việt Nam chuyển đổi từ công ty luật nước ngoài (Số hồ sơ TTHC 1.002398)	
23		Đăng ký hoạt động của chi nhánh của công ty luật nước ngoài tại Việt Nam (Số hồ sơ TTHC 1.002384)	
24		Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài (Số hồ sơ TTHC 1.002368)	
25		Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư (Số hồ sơ TTHC 1002032)	
<b>IV</b>		<b>Lĩnh vực tư vấn pháp luật</b>	
26		Đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật (Số hồ sơ TTHC 1.000627)	Quyết định số 2210/QĐ-UBND ngày 25/08/2020
27		Đăng ký hoạt động cho chi nhánh của Trung	

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố
		tâm tư vấn pháp luật (Số hồ sơ TTHC 1.000614)	
28		Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật, chi nhánh (Số hồ sơ TTHC 1.000588)	
29		Cấp thẻ tư vấn viên pháp luật (Số hồ sơ TTHC 1.000426)	
30		Thu hồi thẻ tư vấn viên pháp luật (Số hồ sơ TTHC 1.000404)	
31		Cấp lại thẻ tư vấn viên pháp luật (Số hồ sơ TTHC 1.000390)	
<b>V</b>		<b>Lĩnh vực quản lý công chứng</b>	
32		Đăng ký tập sự hành nghề công chứng	
33		Thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng từ tổ chức hành nghề công chứng này sang tổ chức hành nghề công chứng khác trong cùng một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.	
34		Thay đổi nơi tập sự từ tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương sang tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác.	
35		Đăng ký tập sự hành nghề công chứng trường hợp người tập sự thay đổi nơi tập sự sang tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác.	
36		Chấm dứt tập sự hành nghề công chứng	
37		Đăng ký tập sự lại hành nghề công chứng sau khi chấm dứt tập sự hành nghề công chứng	1501/QĐ-UBND ngày 29/5/2017
38		Từ chối hướng dẫn tập sự (trường hợp tổ chức hành nghề công chứng không có công chứng viên khác đủ điều kiện hướng dẫn tập sự)	
39		Thay đổi công chứng viên hướng dẫn tập sự	
40		Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng	
41		Đăng ký hành nghề và cấp thẻ công chứng viên	
42		Cấp lại thẻ công chứng viên	
43		Xóa đăng ký hành nghề của công chứng viên	
44		Đăng ký hoạt động của văn phòng công chứng	
45		Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của văn phòng công chứng	
46		Chấm dứt hoạt động của văn phòng công chứng	

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố
		(trường hợp tự chấm dứt)	
47		Thu hồi quyết định cho phép thành lập của văn phòng công chứng	
48		Hợp nhất văn phòng công chứng	
49		Đăng ký hoạt động của văn phòng công chứng hợp nhất	
50		Sáp nhập văn phòng công chứng	
51		Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của văn phòng công chứng sáp nhập	
52		Chuyên nhượng văn phòng công chứng	
53		Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của văn phòng công chứng chuyên nhượng	
54		Chuyển đổi văn phòng công chứng do một công chứng viên thành lập	
55		Đăng ký hoạt động văn phòng công chứng được chuyển đổi từ văn phòng công chứng do một công chứng viên thành lập	
56		Thành lập hội đồng công chứng	
57		Thành lập văn phòng công chứng	2764/QĐ-UBND ngày 20/9/2017
<b>VI</b>		<b>Lĩnh vực quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản</b>	
58		Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân ( <i>Số hồ sơ TTHC 1.002626</i> )	
59		Thay đổi thành viên hợp danh của công ty hợp danh hoặc thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản ( <i>Số hồ sơ TTHC 1.008727</i> )	
60		Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản ( <i>Số hồ sơ TTHC 1.001842</i> )	Quyết định số 2561/QĐ-UBND ngày 23/09/2020
61		Thay đổi thông tin đăng ký hành nghề của Quản tài viên ( <i>Số hồ sơ TTHC 1.001633</i> )	
62		Thay đổi thông tin đăng ký hành nghề của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản ( <i>Số hồ sơ TTHC 1001600</i> )	
<b>VII</b>		<b>Lĩnh vực đấu giá tài sản</b>	
63		Cấp Thẻ đấu giá viên ( <i>Số hồ sơ TTHC</i>	Quyết định số

<b>STT</b>	<b>Mã số TTHC</b>	<b>Tên thủ tục hành chính</b>	<b>Quyết định công bố</b>	
		2001815)	2561/QĐ-UBND ngày 23/09/2020	
64		Cấp lại Thẻ đầu giá viên ( <i>Số hồ sơ TTHC 2001807</i> )		
65		Đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đầu giá tài sản ( <i>Số hồ sơ TTHC 2001395</i> )		
66		Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đầu giá tài sản ( <i>Số hồ sơ TTHC 2001333</i> )		
67		Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đầu giá tài sản ( <i>Số hồ sơ TTHC 2001258</i> )		
68		Đăng ký hoạt động của Chi nhánh doanh nghiệp đầu giá tài sản ( <i>Số hồ sơ TTHC 2001247</i> )		
69		Phê duyệt đủ điều kiện thực hiện hình thức đầu giá trực tuyến ( <i>Số hồ sơ TTHC 2001225</i> )		
70		Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề đầu giá ( <i>Số hồ sơ TTHC 2002139</i> )		
71		Cấp Thẻ đầu giá viên ( <i>Số hồ sơ TTHC 2001815</i> )		
<b>VIII</b>		<b>Lĩnh vực trọng tài thương mại</b>		
72		Đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài sau khi được Bộ Tư pháp cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động Trung tâm trọng tài khi thay đổi địa điểm đặt trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác ( <i>Số hồ sơ TTHC 1.008889</i> )		Quyết định số 3005/QĐ-UBND ngày 04/11/2020
73		Đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài; đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài khi thay đổi địa điểm đặt trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác ( <i>Số hồ sơ TTHC 1.008890</i> )		
74		Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài; thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam ( <i>Số hồ sơ TTHC</i>		

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố
		1.008904)	
75		Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài khi thay đổi Trưởng chi nhánh, địa điểm đặt trụ sở của Chi nhánh trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ( <i>Số hồ sơ TTHC 1.008905</i> )	
76		Đăng ký hoạt động chi nhánh của tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam sau khi được Bộ Tư pháp cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động chi nhánh của tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp chuyển địa điểm trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác ( <i>Số hồ sơ TTHC 1.008906</i> )	
77		Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài, chi nhánh Trung tâm trọng tài, chi nhánh của tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam ( <i>Số hồ sơ TTHC 1.001248</i> )	
<b>IX</b>		<b>Lĩnh vực Hòa giải thương mại</b>	
78		Đăng ký làm hòa giải viên thương mại vụ việc ( <i>Số hồ sơ TTHC 1.005149</i> )	
79		Đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại sau khi được Bộ Tư pháp cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại khi thay đổi địa chỉ trụ sở của Trung tâm hòa giải thương mại từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác ( <i>Số hồ sơ TTHC 1.008913</i> )	
80		Thay đổi tên gọi trong Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm hòa giải thương mại ( <i>Số hồ sơ TTHC 2.002047</i> )	Quyết định số 3008/QĐ-UBND ngày 04/11/2020
81		Đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại ( <i>Số hồ sơ TTHC 2.0001716</i> )	
82		Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại, Chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại, Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam ( <i>Số hồ sơ TTHC 1.008914</i> )	
83		Chấm dứt hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại trong trường hợp Trung tâm hòa giải thương mại tự chấm dứt hoạt động ( <i>Số hồ</i>	

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố
		<i>sơ TTHC 2.000515)</i>	
84		Đăng ký hoạt động của Chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam sau khi được Bộ Tư pháp cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động của Chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam khi thay đổi địa chỉ trụ sở từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác ( <i>Số hồ sơ TTHC 1.008915</i> )	
85		Thay đổi tên gọi, Trưởng chi nhánh trong Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam ( <i>Số hồ sơ TTHC 1.008916</i> )	
<b>X</b>		<b>Lĩnh vực bồi thường nhà nước</b>	
86		Thủ tục phục hồi danh dự (thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND tỉnh)	1442/QĐ-BTP ngày 26/6/2018 107/QĐ-UBND ngày 11/01/2019
87		Thủ tục phục hồi danh dự (thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp)	1442/QĐ-BTP ngày 26/6/2018 107/QĐ-UBND ngày 11/01/2019
88		Thủ tục xác định cơ quan giải quyết bồi thường	1442/QĐ-BTP ngày 26/6/2018 107/QĐ-UBND ngày 11/01/2019
89		Thủ tục giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại (thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh)	1442/QĐ-BTP ngày 26/6/2018 107/QĐ-UBND ngày 11/01/2019
90		Thủ tục giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại (thuộc thẩm quyền của Sở Tư pháp)	1442/QĐ-BTP ngày 26/6/2018 107/QĐ-UBND ngày 11/01/2019
<b>XI</b>		<b>Lĩnh vực nuôi con nuôi</b>	
91	BTP-KHA-277301	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài	643/QĐ-BTP ngày 05/5/2017 2448/QĐ-UBND ngày 30/7/2019
92	BTP-KHA-277302	Giải quyết việc người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	643/QĐ-BTP ngày 05/5/2017

<b>STT</b>	<b>Mã số TTHC</b>	<b>Tên thủ tục hành chính</b>	<b>Quyết định công bố</b>
			2448/QĐ-UBND ngày 30/7/2019
<b>XII</b>		<b>Lĩnh vực hộ tịch</b>	
93	2.000635	Cấp bản sao trích lục hộ tịch	1872/QĐ-BTP ngày 04/09/2020 2851/QĐ-UBND ngày 20/10/2020
<b>XIII</b>		<b>Lĩnh vực quốc tịch</b>	
94	2.001895.000 .00.00.H32	Thủ tục cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam	1217/QĐ-BTP ngày 22/5/2020 1429/QĐ-UBND ngày 19/6/2020
95	2.002039.000 .00.00.H32	Thủ tục nhập quốc tịch Việt Nam	1217/QĐ-BTP ngày 22/5/2020 1429/QĐ-UBND ngày 19/6/2020
96	2.002038.000 .00.00.H32	Thủ tục trở lại quốc tịch Việt Nam ở trong nước	1217/QĐ-BTP ngày 22/5/2020 1429/QĐ-UBND ngày 19/6/2020
97	2.002036.000 .00.00.H32	Thủ tục thôi quốc tịch Việt Nam ở trong nước	1217/QĐ-BTP ngày 22/5/2020 1429/QĐ-UBND ngày 19/6/2020
98	1.005136.000 .00.00.H32	Thủ tục cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam ở trong nước	1217/QĐ-BTP ngày 22/5/2020 1429/QĐ-UBND ngày 19/6/2020
<b>XIV</b>		<b>LĨNH VỰC THỪA PHÁT LẠI</b>	
99		Thành lập Văn phòng Thừa phát lại ( <i>Số hồ sơ TTHC 1.008929</i> )	Quyết định số 3146/QĐ-UBND ngày 25/11/2020
100		Chuyển đổi loại hình hoạt động Văn phòng Thừa phát lại ( <i>Số hồ sơ TTHC 1.008932</i> )	
101		Hợp nhất, sáp nhập Văn phòng Thừa phát lại ( <i>Số hồ sơ TTHC 1.008934</i> )	
102		Chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại ( <i>Số hồ sơ TTHC 1.008936</i> )	
103		Đăng ký tập sự hành nghề Thừa phát lại ( <i>Số hồ sơ TTHC: 1.008925</i> )	
104		Thay đổi nơi tập sự hành nghề Thừa phát lại ( <i>Số hồ sơ TTHC 1.008926</i> )	

<b>STT</b>	<b>Mã số TTHC</b>	<b>Tên thủ tục hành chính</b>	<b>Quyết định công bố</b>
105		Đăng ký hành nghề và cấp thẻ Thừa phát lại (Số hồ sơ TTHC 1.008927)	
106		Cấp lại thẻ Thừa phát lại (Số hồ sơ TTHC 1.008928)	
107		Đăng ký hoạt động Văn phòng Thừa phát lại (Số hồ sơ TTHC 1.008930)	
108		Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng Thừa phát lại (Số hồ sơ TTHC 1.008931)	